TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2026.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 493/2025/ HNGĐ – ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: xóm T, xã T, tỉnh Nghệ An, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: xóm T, xã T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: số E đường số B, khu dân cư B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Văn H1 quen nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65, quyển số 01 ngày 22/7/2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và yêu thương nhau. Tuy nhiên một khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói

chung. Bà H, ông H1 đã ly thân nhiều năm. Hiện tại, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H1. Do mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Văn H1.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Văn H1 có 02 (hai) con chung tên là Đặng Văn T, sinh ngày 01/7/2015 và Đặng Thị Linh N, sinh ngày 13/8/2013. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung nêu trên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Đặng Văn H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Đối với bị đơn ông Đặng Văn H1: đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào. Bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Đặng Văn H1. Bị đơn ông Đặng Văn H1 có nơi tạm trú tại số E đường số B, khu dân cư B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều

228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Đối với bị đơn ông Đặng Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Văn H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65, quyển số 01 ngày 22/7/2013 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H xác định mâu thuẫn xảy ra giữa bà và ông Đặng Văn H1 đã trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân nhiều năm. Bà H sống tại xóm T, xã T, tỉnh Nghệ An còn ông Đặng Văn H1 sống tạm trú tại phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét, trong hôn nhân vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Văn H1 không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà Nguyễn Thị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để ông Đặng Văn H1 tham gia làm việc, hòa giải và các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Đặng Văn H1 vẫn không đến Tòa để hòa giải, không có bất kỳ ý kiến đưa ra về việc mong muốn gia đình đoàn tụ. Do đó, ông H1 đã từ bỏ quyền trình bày của mình được pháp luật bảo vệ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Văn H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoài .

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Văn H1 có 02 (hai) con chung là Đặng Văn T, sinh ngày 01/7/2015 và Đặng Thị Linh N, sinh ngày 13/8/2013. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Xét, hiện tại 02 con đang chung sống cùng bà H, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các con khi cha mẹ ly hôn, hiện các cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, cần tiếp tục giao 02 con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Đặng Văn H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài .

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Đặng Văn H1 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đặng Văn H1.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01, ngày 22/7/2013 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Văn H1 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung là Đặng Văn T, sinh ngày 01/7/2015 và Đặng Thị Linh N, sinh ngày 13/8/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Đặng Văn H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025739 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Sơn Đông, tỉnh Phú Thọ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo